TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Điệu;

2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 07/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 21/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT và chỗ ở: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Việt P, sinh năm 1981 (Vắng mặt lần thứ hai)

HKTT và chỗ ở: Thôn Ư, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

3. Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Bích N, sinh năm 1951 và ông Nguyễn Đình Vợt, sinh năm 1950; (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn Ư, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – Chị Phạm Thị T trình bày: Chị và Anh Nguyễn Việt P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã A, huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2006. Sau ngày cưới vợ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh P thường xuyên ghen tuông, đánh đập chị. Do mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh P.

Về quan hệ con chung: Chị và anh P có hai con chung là Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 02/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012. Hiện cả hai con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Chị tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Nguyễn Việt P: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập anh P đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã A cung cấp: Chị Phạm Thị T và Anh Nguyễn Việt P kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 23/9/2006. Hiện tại chị T đăng ký hộ khẩu tại huyện Cẩm Giàng, anh P đăng ký hộ khẩu thường trú và đang có mặt tại địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ vợ. Sau một thời gian chung sống đến khoảng năm 2016- 2017 anh P về thôn Ư, xã A sống một mình, chị T và các con không về sống chung. Theo nắm bắt thông tin được biết anh, chị cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được, anh chị sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị T ly hôn anh P. Vợ chồng chị T, anh P có hai con chung là Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 02/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012. Hiện tại các con

chung đang do chị T nuôi dưỡng. Anh P có sức khoẻ tốt nhưng không có việc làm, không có thu nhập. Hiện trong mấy năm gần đây hai con chung đều do chị T nuôi dưỡng, chị T đang làm công nhân thu nhập khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi con. Đề nghị Toà án giao cả hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của các con chung.

Bà Đoàn Thị Bích N (mẹ đẻ anh P) trình bày: bà xác định chị T, anh P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại huyện C, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2015 con trai bà bị tai nạn. Đến năm 2016 chị T đưa hai con về huyện C sinh sống, còn anh P ở cùng vợ chồng ông bà tại thôn Ư, xã A, huyện Ninh Giang từ thời gian đó đến nay. Chị T từ thời gian đó đến nay không về thăm chồng và vợ chồng bà cũng như không đưa các cháu về thăm bố, ông bà nội. Chị T và anh P ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị T đã có đơn khởi kiện xin ly hôn anh P qua trao đổi với anh P thì anh P nhất trí, vợ chồng bà cũng nhất trí về việc chị T ly hôn anh P. Chị T, anh P có hai con chung Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 02/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012. Hiện hai con chung đang do chị T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn đề nghị Toà án giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Bảo N và giao cho anh P nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hiển Minh. Do hiện tại sức khoẻ anh P không được tốt, vợ chồng bà già yếu không thể chăm sóc anh P đến già, cháu Minh chung sống cùng vợ chồng bà thì sau này sẽ có điều kiện chăm lo cho bố. Chúng tôi sẽ cùng anh P nuôi dạy cháu nên người. Do con trai bà không thể trực tiếp đến tham gia tố tụng tại Toà án, nên bản đề nghị Toà án gửi các giấy triệu tập, thông báo, Quyết định của Toà án cho bà là người nhận và có trách nhiệm giao, thông báo cho anh P biết.

Tại phiên Tòa: Chị Phạm Thị T, Anh Nguyễn Việt P vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh P; giao hai con chung là Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 022/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho Chị Phạm Thị T ly hôn Anh Nguyễn Việt P; giao con chung Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 02/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con; chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh P đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và Anh Nguyễn Việt P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã A, huyện N nơi sinh sống của anh P tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp.

[3] Chị T khởi kiện xin ly hôn, anh P biết rõ việc chị T khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. HĐXX thấy rằng, mặc dù anh P không đến Toà án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T song tại lời khai của chị T, Biên bản xác minh ngày 21/12/2022, lời khai của người làm chứng là Bà Đoàn Thị Bích N (mẹ đẻ anh P) đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chị T, anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị T. Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T ly hôn anh P.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh P có hai con chung là Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 02/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012. Chị T đề nghị giao cả hai con chung là cháu Ngọc và cháu Minh cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 21/12/2022, lời khai của Bà Đoàn Thị Bích N (mẹ đẻ anh P) cũng như lời khai của cháu Ngọc và cháu Minh đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị T. Căn cứ vào điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao con chung là Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 02/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Phạm Thị T ly hôn Anh Nguyễn Việt P.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho Chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Đình Bảo N, sinh ngày 02/7/2007 và Nguyễn Ngọc Hiền M, sinh ngày 17/8/2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi (thành niên).

Anh Nguyễn Việt P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000280, ngày 25 tháng 11 năm 2022.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã A, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long